|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO** | **KỲ THI TỐT NGHIỆP THPT TỪ NĂM 2025** |
| **ĐỀ THI THAM KHẢO**  *(Đề thi có 04 trang)* | **MÔN: ĐỊA LÍ**  *Thời gian làm bài 50 phút, không kể thời gian phát đề* |

**Họ, tên thí sinh:……………………………………………………………**

**Số báo danh:………………………………………………………………..**

**PHẦN I.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

***Câu 1:*** Vị trí địa lí quy định thiên nhiên nước ta mang tính chất:

A.nhiệt đới ẩm gió mùa.

B.cận nhiệt đới gió mùa.

C.cận xích đạo gió mùa.

D.ôn đới gió mùa trên núi.

***Câu 2:*** Hiện tượng lũ lụt là gì?

A.Mực nước sông dâng cao trong khoảng thời gian nhất định, sau đó xuống.

B.Mặt đất bị ngập nước do ảnh hưởng của mưa lớn, triều cường, lũ, nước biển dâng.

C.Mức nước trên sông, hồ vượt quá mức quy định do tình trạng ngập úng, tràn đê, vỡ đê khiến nước trực tiếp tràn vào khu dân cư được bảo vệ.

D.Mức nước sông dâng cao, kèm theo gió rít mạnh, mưa nặng hạt, sinh ra ở những nước gần vùng biển gió mùa.

***Câu 3:*** Mạng lưới đô thị ở nước ta hiện nay

A.phát triển mạnh nhất ở vùng đồi núi.

B.được sắp xếp theo các cấp khác nhau.

C.phân bố đều khắp, đạt trình độ cao.

D.nhiều đô thị đặc biệt, phân cấp cao

***Câu 4:*** Thế mạnh nổi bật về nguồn lao động nước ta là:

A.giá lao động tương đối rẻ.

B.nguồn lao động rất dồi dào.

C.chuyên môn ngày càng cao.

D.lao động đã qua đào tạo nhiều

***Câu 5:*** Chăn nuôi lợn tập trung nhiều ở Đồng bằng sông Hồng chủ yếu do vùng này có:

A.cơ sở vật chất hiện đại.

B.nguồn vốn đầu tư lớn.

C.cơ sở thức ăn dồi dào.

D.lao động có trình độ cao

***Câu 6:*** Cơ sở nhiên liệu cho các nhà máy nhiệt điện ở miền Bắc nước ta là:

A.than antraxit. B.than nâu.

C.dầu mỏ. D.khí tự nhiên.

***Câu 7:*** Giao thông vận tải đường bộ nước ta hiện nay

A.tập trung chủ yếu dọc ven biển. B.chủ yếu phục vụ việc xuất khẩu.

C.khối lượng luân chuyển hàng hóa lớn. D.đã hội nhập vào đường xuyên Á.

***Câu 8:*** Loại đất chủ yếu phân bố thành dải dọc sông Tiền và sông Hậu là:

A.đất phèn. B.đất cát.

C.đất mặn. D.đất phù sa ngọt

***Câu 9:***Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là:

A.góp phần đa dạng cơ cấu kinh tế, thu hút vốn đầu tư.

B.tạo sản phẩm hàng hóa, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

C.cung cấp nhiên liệu, hạn chế tình trạng du cư.

D.khai thác tiềm năng sẵn có, giải quyết các vấn đề xã hội.

***Câu 10:***Cơ cấu ngành chế biến lương thực- thực phẩm ở Đồng bằng sông Hồng đa dạng chủ yếu do có:

A.đầu tư vốn và kĩ thuật, nguyên liệu dồi dào, dân số đông.

B.thị trường lớn, cơ sở hạ tầng tiến bộ, vị trí thuận lợi.

C.trình độ lao động, cơ sở vật chất, sản xuất phát triển.

D.nhu cầu đa dạng, mật độ dân số cao, lao động đông.

***Câu 11:*** Thuận lợi để phát triển nghề cá ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

A.bờ biển dài, có các vịnh nước sâu.

B.giàu hải sản và có các ngư trường lớn.

C.có quần đảo và bãi biển đẹp.

D.có độ mặn nước biển cao, có nhiều đảo

***Câu 12:*** Đông Nam Bộ phát triển các ngành công nghệ cao chủ yếu do có:

A.chính sách hợp lí, lao động có trình độ, nguồn đầu tư lớn.

B.nguyên liệu dồi dào, kinh tế hàng hóa sớm phát triển.

C.cơ sở hạ tầng tốt, nguyên liệu đảm bảo, thị trường mở rộng.

D.cơ sở vật chất kĩ thuật tốt, thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

***Câu 13:*** Đâu không phải là ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc đến chế độ nhiệt nước ta?

A.Làm tính chất nhiệt đới tăng dần từ Bắc vào Nam.

B.Làm chế độ nhiệt phân hóa theo Đông- Tây.

C.Làm cho biên độ nhiệt năm tăng dần từ Nam ra Bắc.

D.Vượt qua dãy Bạch Mã, gây ra mùa khô cho miền Nam.

Câu 14. Cho bảng số liệu sau:

CƠ CẤU XUẤT KHẨU HÀNG HÓA PHÂN THEO NHÓM HÀNG CỦA NƯỚC TA,GIAI ĐOẠN 1995 - 2015 *(Đơn vị: %)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **1995** | **2000** | **2005** | **2010** | **2015** |
| Hàng công nghiệp nặng và khoáng sản | 25,3 | 37,2 | 36,1 | 45,1 | 48,1 |
| Hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp | 28,4 | 33,9 | 41,0 | 34,1 | 32,7 |
| Hàng nông - lâm - thủy -sản | 46,3 | 28,9 | 22,9 | 20,8 | 19,2 |

*(Nguồn: Tổng cục thống kê)*

Dạng biểu đồ thích hợp với bảng số liệu trên là:

A.Cột. B.Tròn. C.Đường. D.Miền.

***Câu 15:*** Hoạt động ngoại thương nước ta ngày càng phát triển chủ yếu do:

A.nhu cầu tiêu dùng, sản xuất đa dạng.

B.hội nhập sâu rộng, đa dạng thị trường.

C.sản xuất phát triển, thị trường mở rộng.

D.huy động vốn, đẩy mạnh sản xuất hàng

***Câu 16:*** Ý nghĩa chủ yếu của việc hình thành cơ cấu nông- lâm- ngư nghiệp ở Bắc Trung Bộ là:

A.khai thác tốt tự nhiên, tăng khối lượng sản phẩm.

B.đa dạng hóa nông nghiệp, bảo vệ tốt tài nguyên.

C.tăng giá trị nông sản, giải quyết vấn đề việc làm.

D.khai thác tiềm năng, tạo liên kết sản xuất lãnh thổ.

***Câu 17:*** Việc phát triển các vùng chuyên canh cây công nghiệp ở Tây Nguyên có ý nghĩa chủ yếu nào sau đây?

A.Giải quyết việc làm cho nhiều người lao động.

B.Thúc đẩy hình thành nông trường quốc doanh.

C.Cung cấp các sản phẩm cho nhu cầu tiêu dùng trong nước.

D.Tạo khối lượng nông sản lớn cho xuất khẩu

***Câu 18:*** Diện tích rừng ngập mặn của Đồng bằng sông Cửu Long ngày càng suy giảm chủ yếu do:

A.cháy rừng, sạt lở bờ biển, nuôi tôm, nước biển dâng.

B.mở rộng vùng nuôi tôm, xâm nhập mặn, cháy rừng.

C.nhu cầu đất nông nghiệp, ô nhiễm nguồn nước.

D.du lịch sinh thái, chuyển đổi đất sang nuôi tôm, cá

**PHẦN II.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho thông tin sau:

Lãnh thổ nước ta trải dài qua nhiều vĩ tuyến, đồng thời với tác động của gió mùa đã làm thiên nhiên nước ta phân hoá theo chiều Bắc - Nam. Mỗi miền có đặc điểm thiên nhiên đặc trưng.

a) Hệ sinh thái tiêu biểu của phần lãnh thổ phía Nam là rừng cận xích đạo gió mùa.  
b) Phần lãnh thổ phía Bắc có nhiệt độ trung bình năm dưới 20°C.  
c) Phần lãnh thổ phía Bắc có 2 – 3 tháng có nhiệt độ trung bình dưới 18°C.  
d) Phần lãnh thổ phía Nam có biên độ nhiệt năm lớn.

Câu 2. Cho thông tin sau:

**Trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở nước ta hiện nay, ngành dịch vụ ngày càng có vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường.**

a) Dịch vụ là ngành kinh tế quan trọng, chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu GDP cả nước.

b) Sự phát triển ngành dịch vụ góp phần thúc đẩy sự phát triển công nghiệp, nông nghiệp và nông thôn.

c) Ngành dịch vụ góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân.

d) Sự phát triển ngành dịch vụ tác động tích cực đến việc sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

Câu 3. Cho thông tin sau:

“ Ở Đồng bằng sông Hồng, công nghiệp là ngành kinh tế phát triển sớm và có vai trò quan trọng. Giá trị sản xuất công nghiệp của vùng cao và tăng nhanh, chiếm trên 37 % tỉ trọng so với cả nước vào năm 2021. Công nghiệp của vùng đóng góp ngày càng lớn vào sự tăng trưởng và phát triển kinh tế của đất nước”.

a) Công nghiệp của vùng ĐBSH chiếm tỉ trọng lớn nhất cả nước năm 2021.

b) Công nghiệp của vùng ĐBSH có lịch sử phát triển lâu đời, có Hà Nội là trung tâm công nghiệp lớn bậc nhất cả nước.

c) Trong những năm gần đây, vùng ĐBSH đẩy mạnh khai thác than nâu và khí tự nhiên để phát triển nhiệt điện.

d) Khoáng sản kim loại ở vùng ĐBSH có trữ lượng lớn và có vai trò quan trọng nhất để phát triển công nghiệp của vùng.

A graph with numbers and lines

Description automatically generatedCâu 4: Cho biểu đồ**:**

*(Nguồn: EIA – 2024)*

**a)** Hiện nay, Hoa Kỳ dẫn đầu thế giới về sản xuất dầu mỏ.

**b)** Hoa Kỳ bắt đầu vươn lên giữ vị trí đứng đầu thế giới về sản xuất dầu mỏ từ năm 2019.

**c)** Sản lượng dầu mỏ sản xuất của Hoa Kỳ luôn trên 10 triệu thùng/ngày trong suốt giai đoạn 2013 - 2023.

**d)** Từ năm 2013 đến năm 2023, sản lượng dầu mỏ sản xuất của Hoa Kỳ tăng gấp đôi

**PHẦN III. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.**

Câu 1: Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ trung bình tháng tại trạm quan trắc Hà Nội (Láng) năm 2022

(Đơn vị: 0C)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tháng | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
| Nhiệt độ | 18,6 | 15,3 | 23,1 | 24,8 | 26,8 | 31,4 | 30,6 | 29,9 | 29,0 | 26,2 | 26,0 | 17,8 |

(Nguồn: Niên giám Thống kê năm 2023, NXB Thống kê Việt Nam, 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính biên độ nhiệt độ năm tại trạm quan trắc Hà Nội (Láng) năm 2022 (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của 0C).

Câu 2. Cho bảng số liệu: Lưu lượng dòng chảy tháng tại trạm Hà Nội trên sông Hồng (Đơn vị: m3/s)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Vĩ độ** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** |
| Lưu lượng | 1022 | 905 | 853 | 1004 | 1578 | 3469 | 5891 | 6245 | 4399 | 2909 | 2024 | 1285 |

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính lưu lượng dòng chảy trung bình năm tại trạm Hà Nội trên sông Hồng (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của m3/s).

*Câu 3. Cho bảng số liệu:*

*SỐ TRẺ EM SINH RA, SỐ NGƯỜI CHẾT VÀ SỐ DÂN CỦA VIỆT NAM NĂM 2021*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***Tiêu chí*** | *Số trẻ em sinh ra* | *Số người chết* | *Số dân* |
| ***Số người (người)*** | *1550459* | *628458* | *98504400* |

*Căn cứ vào bảng số liệu trên, tỉnh tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên (%) của Việt Nam năm 2021 (làm tròn kết quả đến hai chữ số của phần thập phân).*

Câu 4. Cho bảng số liệu sau:

TỔNG MỨC HÀNG HÓA XUẤT NHẬP KHẨU CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 - 2021

*(Đơn vị: Triệu USD)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2015** | **2018** | **2021** |
| **Xuất khẩu** | 72236,7 | 162016,7 | 243696,8 | 336166,8 |
| **Nhập khẩu** | 84838,6 | 165775,9 | 237241,6 | 332842,6 |

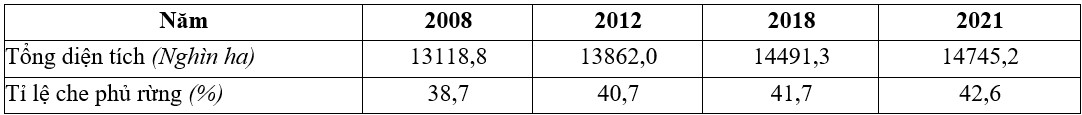
*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)*

Tính cán cân xuất nhập khẩu của nước ta trong năm 2021.

*Câu 5****.*** *Năm 2020, sản lượng lương thực nước ta là 47321,0 nghìn tấn, số dân là 97582,7 nghìn người.* Tính bình quân sản lượng lương thực theo đầu người của nước ta giai đoạn trên.( Làm tròn đến hàng đơn vị của kg/người).

*Câu 6.* Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH RỪNG VÀ TỈ LỆ CHE PHỦ RỪNG CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2008 – 2021



*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2022, NXB Thống kê, 2023)*

Tính tốc độ tăng trưởng diện tích rừng nước ta năm 2021 so với năm 2008. Làm tròn đến hàng đơn vị của % .

**------HẾT------**

*- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;*

*- Giám thị không giải thích gì thêm.*

**ĐÁP ÁN ĐỀ THAM KHẢO**

**Môn: Địa Lí**

**PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. (Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,25 điểm).**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| Chọn | A | A | B | B | C | A | D | D | B | A |
| Câu | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 |  |  |
| Chọn | A | A | D | D | C | D | D | A |  |  |

**PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu thí sinh chọn đúng hoặc sai.**

- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 1 câu hỏi được 0,1 điểm.

- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong 1 câu hỏi được 0,25 điểm

- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý trong 1 câu hỏi được 0,5 điểm

- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 04 ý trong 1 câu hỏi được 1 điểm

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | Câu 1 | Câu 2 | Câu 3 | Câu 4 |
| Đáp án | 1. Đ 2. S 3. Đ 4. S | 1. Đ 2. Đ 3. Đ 4. S | 1. Đ 2. Đ 3. S   d)S | 1. Đ 2. S 3. S 4. S |

**PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6. Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,25 điểm.**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | *Câu 1* | Câu 2 | Câu 3 | Câu 4 | Câu 5 | Câu 6 |
| Đáp án | 16,1 | 2632 | 0,93 | 3324,2 | 485 | 112 |